



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Bộ phận phân tích – Phòng Quản lý chất lượng**

Laboratory: **Feed Analytical Laboratory – Quality Department**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà**

Organization: **Hong Ha Nutrition Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1242**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Trần Thị Thu Hương**

Laboratory manager: **Tran Thi Thu Huong**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /10/2025 đến ngày 06/10/2030**

Địa chỉ:
Address: **Khu công nghiệp Đồng Văn, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình.
Dong Van Industrial Park, Dong Van Ward, Ninh Binh Province.**

Địa điểm:
Location: **Khu công nghiệp Đồng Văn, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình.
Dong Van Industrial Park, Dong Van Ward, Ninh Binh Province.**

Điện thoại/ Tel: **02263.836.840**

Email: **tranthithuhuong@honghafeed.com.vn**

Website: **honghafeed.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1242****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nguyên liệu và thành phẩm thức ăn chăn nuôi <i>Materials and feeding stuffs</i>	Xác định hàm lượng nitơ và tính hàm lượng Protein thô <i>Determination of nitrogen content and calculation of crude protein content</i>	0.30g/100g	TCVN 4328-2:2011
2.		Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi khác <i>Determination of moisture and other volatile matter content</i>	0.27g/100g	TCVN 4326:2001
3.		Xác định hàm lượng béo thô <i>Determination of crude fat content</i>	0.24g/100g	TCVN 6555:2017
4.		Xác định hàm lượng xơ thô <i>Determination of crude fiber</i>	0.35g/100g	AOCS Ba 6a-05 Reapproved 2017
5.		Xác định hàm lượng Phospho Phương pháp quang phổ <i>Determination of Phosphorus content Spectrometric method</i>	0.14g/100g	TCVN 1525:2001
6.		Xác định tro thô <i>Determination of crude ash</i>	0.26g/100g	TCVN 4327:2007
7.		Xác định hàm lượng Tinh bột Phương pháp đo phân cực <i>Determination of starch content Polarimetric method</i>	1.44g/100g	TCVN 8765:2012
8.	Thức ăn chăn nuôi <i>Feeding stuffs</i>	Xác định hàm lượng Clorua hòa tan trong nước <i>Determination of water-soluble chlorides content</i>	0.15g/100g	TCVN 4806-1:2018
9.	Nguyên liệu có nguồn gốc động vật <i>Animal protein material</i>	Xác định khả năng tiêu hóa đạm trong pepsin <i>Determination of protein digestion by pepsin solution</i>	Đến/ up to 100%	AOAC 971.09

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1242

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam standard*
- AOAC: the association of analytical communities/ Association of Official Analytical Chemist
- AOCS: American Oil chemists' Society

Trường hợp Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hong Ha Nutrition Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*